

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH 7340101

HẢI PHÒNG, 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH 7340101

*(Ban hành theo Quyết định số ... ngày .../.../20...
của Hiệu trưởng Nhà trường)*

Phê duyệt

Trình duyệt

Hiệu trưởng
TS Nguyễn Tiến Thanh

Phụ trách ngành
TS Nguyễn Thị Hoàng Đan

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

Mã học phần: FAC33041 – **Số tín chỉ:** 04

Dùng cho ngành: Quản trị kinh doanh

Điều kiện tiên quyết (nếu có): Nguyên lý kế toán

Hình thức đào tạo: Trực tiếp và trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Quản trị kinh doanh

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

1.ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

2.Ths. Nguyễn Văn Thụ

1. Mô tả chung về học phần

Học phần “Kế toán tài chính 1” được thiết kế nhằm giúp sinh viên ngành Kế toán - Kiểm toán phát triển khả năng xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng phần hành kế toán, hình thành kỹ năng mở - ghi - khóa các sổ kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Học phần được thiết kế 7 chương với nội dung chính tập trung vào việc hạch toán các phần hành kế toán cụ thể như kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương, kế toán chi phí - giá thành.

Học phần “Kế toán tài chính 1” thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp người học có kiến thức chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, hình thành các kỹ năng về nghề kế toán.

2. Các chữ viết tắt (nếu có)

BTCT-Báo cáo tài chính

CDR -Chuẩn đầu ra

ĐG - Đánh giá

DN- Doanh nghiệp

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
a3	Vận dụng các nguyên tắc kế toán cơ bản vào việc tổ chức công tác kế toán trong DN, các chứng từ kế toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan từng phần hành kế toán.

b2	Sử dụng thành thạo kỹ năng mở, ghi, khóa sổ kế toán chi tiết
b3	Sử dụng các phương pháp kế toán để phục vụ mở, ghi, khóa sổ kế toán tổng hợp theo các hình thức kế toán
c2	Tham gia thực hiện các nội dung học tập, thực hành nghiêm túc các bài tập tình huống, trung thực trong các bài đánh giá.

4. Giáo trình và tài liệu học tập

a. Giáo trình và tài liệu học tập:

[1] PGS. TS Nguyễn Mạnh Dũng, (2019), *Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành*, NXB Tài chính

[2] Võ Văn Nhi, (2021), *Kế toán tài chính*, NXB Tài chính

4.2 Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ tài chính, (2015), *Chế độ kế doanh nghiệp quyển 1 và 2*, NXB Tài chính

[2] Bộ tài chính, (2017), *Chế độ kế doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 và 2*, NXB Tài chính

5. Chiến lược học tập

Học phần “Kế toán tài chính 1” được thiết kế chủ yếu theo mô hình làm việc độc lập để giải quyết các vấn đề nhằm đạt được chuẩn đầu ra mong đợi, dưới sự tương tác tích cực giữa giảng viên và sinh viên

Giảng viên đóng vai trò định hướng giúp sinh viên học tập bằng hành động, nghĩa là sinh viên phải suy nghĩ và hoạt động liên tục trong giờ học nhằm mục đích tạo ra việc học tập có chất lượng. Học tập có chất lượng được hiểu là sự chủ động tìm tòi kiến thức do chính sinh viên thực hiện, chứ không đơn thuần là sự tiếp thu những kiến thức do giảng viên cung cấp.

Giảng viên giảng dạy theo phương pháp tích cực, tức là lấy sinh viên làm trung tâm của quá trình dạy học. Vì vậy sinh viên phải có tính chủ động, sáng tạo, phải chuẩn bị bài và đọc bài giảng trước khi lên lớp.

Trong giờ giảng, giảng viên dành thời gian cho sinh viên được thực hành áp dụng ngay lý thuyết vào bài tập để sinh viên tự phát hiện ra vấn đề, tự rút ra bài học kinh nghiệm bằng các con đường khác nhau. Sau đó giảng viên sẽ tổng kết lại các nội dung cốt lõi thuộc về bản chất của từng vấn đề.

Trong giờ học sinh viên phải làm việc thực sự ở trên lớp. Các vấn đề khó lần lượt được sinh viên và giảng viên làm sáng tỏ, từ đó sinh viên hiểu bài, rèn luyện được thói quen tự học, tự giải quyết vấn đề.

Chất lượng học tập (các chuẩn đầu ra) chỉ đạt được khi người học sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập cả về mặt nhận thức lẫn tình cảm, không ngừng phấn đấu để duy trì được sự tiến bộ liên tục trong học tập.

Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
Giới thiệu học phần	(1)- Giới thiệu chi tiết về từng nội dung trong đề cương chi tiết học phần, bao gồm cả phần đánh giá kết quả học tập; các quy định của nhà trường và của giảng viên đối với sinh viên. (2)- Giải đáp thắc mắc trước khi vào nội dung của học phần.	1			
Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán trong DN sản xuất		2		5	a3
1.1. Yêu cầu của tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất	Nghe giảng Thảo luận	0.5	Đọc và nghiên cứu tài liệu được giảng viên phát để hiểu thêm về các nguyên tắc, yêu cầu và nội dung tổ chức công	1	
1.2. Các nguyên tắc kế toán cơ bản	Nghe giảng Thảo luận	0.5	nguyên tắc, yêu cầu và nội dung tổ chức công	1	

1.3. Nội dung của tổ chức công tác kế toán	Nghe giảng Thảo luận	1	tác kế toán trong DN	3	
Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu		10		20	a4, b2, b3, c2
2.1. Một số vấn đề chung về kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu	Nghe giảng	1	Thực hành bài tập về định khoản kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu và ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp vốn bằng tiền và các khoản phải thu của khách hàng		
2.2. Kế toán vốn bằng tiền	Nghe giảng + Bài tập	6		10	
2.3. Kế toán các khoản phải thu	Nghe giảng	5		10	
Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ		13		24	a3, b2, b3, c2
3.1. Một số vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	Nghe giảng	1	Thực hành bài tập về định khoản kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ		
3.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	Nghe giảng + Bài tập	2		6	
3.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	Nghe giảng + Bài tập	8		14	
3.4. Kế toán một số nghiệp vụ khác	Thực hành	2		4	
ĐG1: 20% Phân loại chứng từ và định khoản các nghiệp vụ kinh tế	Thực hành	1		6	a3, c2

phát sinh. (50 phút – 1 tiết).					
Chương 4: Kế toán tài sản cố định		13		25	a3, b2, b3, c2
4.1. Một số vấn đề chung về kế toán tài sản cố định (TSCĐ)	Nghe giảng	1	Thực hành bài tập về định khoản kế toán tài sản cố định và ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp tài sản cố định		
4.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ hữu hình, và vô hình	Nghe giảng + Bài tập	7		15	
4.3. Kế toán khấu hao TSCĐ	Nghe giảng + Bài tập	3		8	
4.4. Kế toán một số nghiệp vụ khác	Nghe giảng + Bài tập	1		2	
DG2: 20% Mở, ghi, khóa sổ kế toán chi tiết (50 phút – 1 tiết).		1		6	b2, c2
Chương 5: Kế toán bất động sản đầu tư và các khoản đầu tư tài chính		3		8	a3, b2, b3, c2
5.1. Một số vấn đề chung	Nghe giảng	0.5	Thực hành bài tập về định khoản kế toán bất động sản đầu tư và các khoản đầu tư tài chính và ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp bất động sản đầu tư và các khoản đầu tư tài chính		
5.2. Kế toán bất động sản đầu tư	Nghe giảng + Bài tập	1,5		5	
5.3. Kế toán các khoản đầu tư tài chính	Nghe giảng + Bài tập	1		3	

Chương 6: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương		4		8	a3, b2, b3, c2
6.1. Một số vấn đề chung về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	Nghe giảng	0,5	Thực hành bài tập về định khoản kế toán tiền lương và	2	
6.2. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương	Nghe giảng + Bài tập	3,5	các khoản trích theo lương và ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương	6	
Chương 7: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm		14		28	a3, b2, b3, c2
7.1. Một số vấn đề chung	Nghe giảng+ Bài tập	2		4	
7.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KCTX	Nghe giảng + Bài tập	10	Thực hành bài tập về định khoản kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành	20	
7.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá	Nghe giảng + Bài tập	2		4	

thành trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK					
Tổng số tiết/giờ học		60		130	

Số tiết nghe giảng và thảo luận: 27 tiết, số tiết thực hành, thực tế: 33 tiết

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

6. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra			
			a3	b2	b3	c2
Quá trình	ĐG1. Bài đánh giá trên lớp	30%	x			x
	ĐG2. Bài đánh giá trên lớp	20%		x		x
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%			x	x
<i>Tổng cộng:</i>		100%				

7. Hoạt động đánh giá

a. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a3, c2- Tỷ lệ: 30% điểm học phần

+ Nội dung đánh giá: Đánh giá khả năng sinh viên vận dụng các chính sách và phương pháp kế toán để phân loại chứng từ và định khoản các NVKTPS liên quan từng phần hành kế toán.

+ Hình thức đánh giá: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận 50 phút trên lớp.

- Các yêu cầu: Sinh viên phải làm bài kiểm tra để chứng tỏ khả năng nhận biết chứng từ và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán.

- Thời gian thực hiện bài kiểm tra: khi kết thúc chương 3

- Thời hạn nộp minh chứng: ngay sau khi kết thúc giờ kiểm tra

- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí	Điểm	Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Trung bình yếu	Không đạt
		A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	≤ 4,0
1. Sử dụng chứng từ kế toán (30%)		Sử dụng đúng tên và đủ chứng từ kế toán của 85% đến 100% số NVKTSPS.	Sử dụng đúng tên và đủ chứng từ kế toán của 70% đến 84% số NVKTSPS.	Sử dụng đúng tên và đủ chứng từ kế toán của 55% đến 69% số NVKTSPS.	Sử dụng đúng tên và đủ chứng từ kế toán của 40% đến 54% số NVKTSPS.	Sử dụng đúng tên và đủ chứng từ kế toán của dưới 40% số NVKTSPS.
2. Vận dụng định khoản (70%)		Vận dụng định khoản đúng từ 85% đến 100% số NVKTSPS.	Vận dụng định khoản đúng từ 70% đến 84% số NVKTSPS.	Vận dụng định khoản đúng từ 55% đến 69% số NVKTSPS.	Vận dụng định khoản đúng từ 40% đến 54% số NVKTSPS.	Vận dụng định khoản đúng dưới 40% số NVKTSPS.

Kết quả đánh giá chung = 30% tiêu chí 1+ 70% tiêu chí 2

b. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: b2, c2 - Tỷ lệ: 20% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Bài đánh giá trên lớp, thời gian: 1 tiết
- + Nội dung đánh giá: Đánh giá kỹ năng mở, ghi, khóa sổ kế toán chi tiết.
- + Hình thức đánh giá: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận 50 phút trên lớp.
- Các yêu cầu: Sinh viên phải làm bài kiểm tra để chứng tỏ khả năng nhận biết chứng từ và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán.
- Thời gian thực hiện bài kiểm tra: khi kết thúc chương 4
- Thời hạn nộp minh chứng: ngay sau khi kết thúc giờ kiểm tra

Ma trận đánh giá:

Tiêu chí	Điểm	Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Trung bình yếu	Không đạt
		A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	≤ 4,0
1. Thực hiện kỹ năng mở, khóa sổ kế toán chi tiết. (30%)		Thực hiện mở và khóa sổ kế toán, không mắc lỗi.	Thực hiện mở và khóa sổ kế toán, nhưng còn mắc không quá 2 lỗi.	Thực hiện mở và khóa sổ kế toán, nhưng còn mắc không quá 4 lỗi.	Thực hiện mở và khóa sổ kế toán, nhưng còn mắc không quá 6 lỗi.	Thực hiện mở và khóa sổ kế toán nhưng còn mắc trên 6 lỗi.

Tiêu chí	Điểm	Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Trung bình yếu	Không đạt
		A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	≤ 4,0
2. Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán chi tiết. (70%)		Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán chi tiết đúng từ 85% đến 100% số NVKTPS vào sổ	Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán đúng từ 70% đến 84% số NVKTPS vào sổ kế toán	Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán đúng từ 55% đến 69% số NVKTPS vào sổ kế toán	Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán đúng từ 40% đến 54% số NVKTPS vào sổ kế toán	Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán đúng dưới 40% số NVKTPS vào sổ kế toán

Kết quả đánh giá chung = 30% tiêu chí 1+ 70% tiêu chí 2

c. Hoạt động đánh giá 3 - Chuẩn đầu ra: b3, c2 - Tỷ lệ: 50% điểm học phần

+ Nội dung đánh giá: Đánh giá kỹ năng mở, ghi, khóa sổ kế toán tổng hợp theo các hình thức kế toán.

+ Hình thức đánh giá: Đánh giá thông qua bài thi tự luận cuối kỳ.

- Các yêu cầu: Sinh viên phải hoàn thành bài thi tự luận để chứng tỏ kỹ năng mở, ghi, khóa sổ kế toán theo các hình thức kế toán một cách thành thạo, sinh viên làm bài thi trong thời gian 90 phút.

Ma trận đánh giá:

Tiêu chí	Điểm	Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Trung bình yếu	Không đạt
		A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	≤ 4,0
1. Thực hiện kỹ năng mở, khóa sổ kế toán tổng hợp. (30%)		Thực hiện kỹ năng mở và khóa sổ kế toán, không mắc lỗi.	Thực hiện kỹ năng mở và khóa sổ kế toán, nhưng còn mắc không quá 2 lỗi.	Thực hiện kỹ năng mở và khóa sổ kế toán, nhưng còn mắc không quá 4 lỗi.	Thực hiện kỹ năng mở và khóa sổ kế toán, nhưng còn mắc không quá 6 lỗi.	Thực hiện kỹ năng mở và khóa sổ kế toán nhưng còn mắc trên 6 lỗi.
2. Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán tổng hợp. (70%)		Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán tổng hợp đúng từ 85% đến 100% số	Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán tổng hợp đúng từ 70% đến 84% số	Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán tổng hợp đúng từ 55% đến 69% số	Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán tổng hợp đúng từ 40% đến 54% số	Thực hiện kỹ năng ghi sổ kế toán tổng hợp đúng dưới 40% số

Tiêu chí	Điểm	Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Trung bình yếu	Không đạt
		A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	≤ 4,0
		NVKTPS vào sổ kế toán	NVKTPS vào sổ kế toán	NVKTPS vào sổ kế toán	NVKTPS vào sổ kế toán	NVKTPS vào sổ kế toán

Kết quả đánh giá chung 30% tiêu chí 1+ 70% tiêu chí 2

Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Điểm học phần= 30% điểm ĐG1+ 20% điểm ĐG2 + 50% điểm ĐG3

8. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Phòng học đảm bảo 2 sinh viên/ 1 bàn, có đủ ánh sáng, phấn, bảng
- Thiết bị hỗ trợ giảng dạy: máy vi tính, máy chiếu, âm thanh
- Sinh viên cần chuẩn bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho quá trình học tập như giấy trắng khổ A4, máy tính bỏ túi, thước kẻ, bút bi nhiều màu, bút chì, tẩy, ...

9. An toàn của sinh viên và giảng viên

- Phòng học phải được sinh viên vệ sinh sạch sẽ trước giờ vào học.
- Sinh viên sẽ được chăm sóc sức khỏe chu đáo và được tư vấn, hướng dẫn chuyên tuyến trên khi cần thiết

10. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm
Người biên soạn